

Bản án số: 146/2022/HS-PT
Ngày 07-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Uyên Thy

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Trần Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2021/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị H; giới tính: nữ; sinh năm 1974 tại tỉnh Nam Định; thường trú: số A đường E, Phường G, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: căn hộ 1018-S203 khu dân cư và công viên PT, số A1 đường E1, khu phố LH, phường G1, thành phố I1, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Thiên Chúa; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: giúp việc; con ông: TVC (chết) và bà: TTĐ1; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 01 con (sinh năm 2012); tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Trương Vinh Quang - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quang Duy, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa cho bị cáo Trần Thị H (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1936 (vắng mặt) và bà Trịnh Thị Thanh H1, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Địa chỉ: số A2 đường E2, Phường G3, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H làm giúp việc nhà cho vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Trịnh Thị Thanh H1 tại địa chỉ A2 đường E2, Phường G3, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh từ đầu năm 2017. Trong khoảng thời gian giúp việc nhà, H phát hiện nơi để chìa khóa tủ gỗ của ông Đ, bà H1 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. H đã mở tủ gỗ, lấy một túi xách màu đen ra thấy bên trong có một bao lì xì màu đỏ và một bao giấy màu trắng, H kiểm tra thấy bên trong có nhiều tiền đô la Mỹ (loại mệnh giá 100USD) nên đã lấy trộm một xấp tờ tiền 100USD cất giấu vào trong túi quần rồi tiếp tục làm việc. Bằng thủ đoạn tương tự, H đã nhiều lần lấy trộm tiền loại mệnh giá 100USD tổng cộng 3.600USD (trong đó bao lì xì màu đỏ để 5.000USD lấy 300USD, trong bao giấy hình chữ nhật màu trắng để 10.000USD lấy 3.300USD) và số tiền 1.000.000 đồng. Sau mỗi lần lấy trộm tiền đô la Mỹ thì chiều cùng ngày H chạy xe đạp ra tiệm vàng đổi tiền USD ra tiền Việt Nam gửi về quê cho mẹ ruột 03 lần, số tiền còn lại mua 02 nhẫn vàng. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/3/2019, ông Đ nghi ngờ H lấy trộm tiền nên hỏi H thì H thừa nhận trước đó vào ngày 05/3/2019 có lấy trộm số tiền 1.000.000 đồng, H lấy từ trong người ra số tiền 700.000 đồng trả lại cho ông Đ, còn lại 300.000 đồng trừ vào tiền công giúp việc. Sau khi H ra về, ông Đ kiểm tra phát hiện bị mất thêm 3.600USD nên gọi điện thoại kêu H quay lại ông Đ, tại đây H thừa nhận đã lấy trộm nhiều lần tiền đô la Mỹ như trên nên ông Đ đã trình báo Công an Phường 5, quận Tân Bình để xử lý H.

Quá trình điều tra, Trần Thị H đã thừa nhận hành vi phạm tội và khai: Trong thời gian làm giúp việc nhà cho vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Trịnh Thị Thanh H1, H phát hiện trong tủ gỗ quần áo tại phòng riêng của vợ chồng ông Đ có để chùm chìa khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. H lấy chìa khóa mở tủ gỗ nhỏ trong phòng thấy bên trong tủ gỗ có một chiếc ba lô màu đen, H dùng tay mở kéo chiếc ba lô thì thấy bên trong có một chiếc bóp màu đen, tiếp tục mở dây kéo của chiếc bóp ra kiểm tra thấy bên trong có một bao lì xì màu đỏ và một gói giấy màu trắng, bên trong bao lì xì và gói giấy màu trắng có nhiều tiền đô la Mỹ (loại mệnh giá 100USD), H lấy trộm một xấp tờ tiền 100USD cất giấu vào trong túi quần đang mặc rồi để tiền USD và chìa khóa lại đúng vị trí ban đầu, tiếp tục làm việc. Với thủ đoạn tương tự, H đã nhiều lần lấy trộm tiền loại mệnh giá 100USD của vợ chồng ông Đ, sau mỗi lần lấy trộm tiền USD thì chiều cùng ngày H chạy xe đạp đến tiệm vàng KT tại địa chỉ A3 đường E3, Phường G3, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh đổi tiền USD ra tiền Việt Nam, sau đó cất vào trong túi quần và luôn mang theo bên mình. Số tiền trên H đã gửi về quê cho mẹ ruột là bà TTĐ1 03 lần, cụ thể H nhờ bà TTH2 (là hàng xóm cùng quê với H) mang về quê gửi lại cho bà Đ1 số tiền 47.000.000 đồng, H lần lượt mang số tiền 5.000.000 đồng và 30.000.000 đồng đến Bưu điện Chí Hòa tại quận Tân Bình gửi về quê cho bà Đ1. Ngoài ra, H còn dùng số tiền trên mua 02 nhẫn vàng 24K hết 7.000.000 đồng. Sáng ngày 06/3/2019, ông Đ nghi ngờ H lấy trộm tiền nên hỏi thì H thừa nhận vào ngày 05/3/2019 có lấy trộm số tiền 1.000.000 đồng, H lấy từ trong người ra số tiền 700.000 đồng trả lại cho ông Đ, còn lại 300.000

đồng trừ vào tiền công giúp việc nhà, sau đó ông Đ cho H nghỉ việc. Sau khi H về nhà thì ông Đ gọi điện thoại kêu quay lại, tại đây H được ông Đ cho biết còn bị mất trộm 3.600USD và H thừa nhận đã lấy trộm số tiền đô la Mỹ này nên ông Đ đã trình báo Công an.

Tại phiên tòa ngày 15/12/2020 (BL 295-297) và Biên bản hỏi cung ngày 01/02/2021, Bản tường trình ngày 01/02/2021 (BL 326-330), Trần Thị H khai: H chỉ thừa nhận lấy trộm của vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Trịnh Thị Thanh H1 một lần duy nhất số tiền 500 USD vào tháng 01/2019, sau đó H mang đến tiệm vàng KT đổi tiền USD ra tiền Việt Nam được 11.000.000 đồng, H dùng số tiền này mua 02 nhẫn vàng hết 7.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng tiêu xài. Về số tiền 47.000.000 đồng H nhờ bà TTH2 mang về quê gửi lại cho bà Đ1 và số tiền 30.000.000 đồng H đến Bưu điện Chí Hòa gửi về quê cho mẹ ruột là tiền H bán nhà do người khác đặt cọc, không phải là tiền H trộm cắp của ông Đ, bà H1.

Lời khai (BL369-371) và tại phiên tòa sơ thẩm, Trần Thị H kêu oan cho rằng không trộm cắp tài sản của vợ chồng ông Đ, bà H1 như đã khai nhận trước đây. Lý do trước đây H thừa nhận có trộm cắp tài sản của vợ chồng ông Đ là do sợ bị bắt giam phải xa chồng con, do thần kinh kém nên đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản cho khớp với số tiền ông Đ, bà H1 khai bị mất trộm để được tha về.

Bị hại ông Nguyễn Đ và bà Trịnh Thị Thanh H1 khai: Trần Thị H làm giúp việc nhà cho gia đình ông Đ, bà H1 từ tháng 4/2017, thời gian làm việc từ 08 giờ đến 10 giờ hằng ngày. Khoảng đầu tháng 3/2019, ông Đ và bà H1 phát hiện bị mất số tiền 1.000.000 đồng để trong túi xách nên nghi ngờ H lấy trộm. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/3/2019, khi H đang vệ sinh lau quét phòng của vợ chồng ông Đ thì ông Đ phát hiện H đang mở túi xách màu đen ra nên ông Đ liền hỏi “chị lấy trộm tiền của tôi bao nhiêu lần”, H nói hôm qua có lấy 1.000.000 đồng và lấy trong người ra số tiền 700.000 đồng trả lại cho ông Đ, còn lại 300.000 đồng trừ vào tiền công vệ sinh nhà, sau khi H ký vào tờ giấy về việc bắt quả tang thì ông Đ cho H nghỉ việc. Sau khi H ra về, ông Đ kiểm tra lại tiền trong túi xách màu đen phát hiện trong bao lì xì màu đỏ đựng số tiền 5.000USD (loại tiền mệnh giá 100USD) bị mất trộm 300USD, trong bao thư bằng giấy màu trắng đựng 10.000USD (loại tiền mệnh giá 100USD) bị mất trộm 3.300USD, nghi ngờ H lấy trộm nên ông Đ điện thoại kêu H quay lại, đồng thời đến Công an Phường 5, quận Tân Bình trình báo vụ việc. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H quay lại nhà ông Đ, tại đây ông Đ hỏi H có lấy trộm số tiền 3.600USD hay không thì H thừa nhận có lấy trộm tiền đô la Mỹ như trên, cùng lúc này Công an Phường 05, quận Tân Bình đến mời tất cả về trụ sở Công an phường làm rõ. Sau khi sự việc xảy ra, H đã mang số tiền 83.000.000 đồng (tương đương 3.600USD) đến Công an Phường 5 để trả lại cho vợ chồng ông Đ nên ông Đ đã làm giấy bãi nại cho H. Tại các lời khai ngày 16/7/2021 (BL361-364), ông Đ và bà H1 khai chỉ nhớ H lấy trộm 3.600USD và số tiền 1.000.000 đồng như đã khai trước đây. Về số tiền 3.000.000 đồng trước đây ông Đ khai bị mất, do sự việc xảy ra đã lâu nên ông Đ, bà H1 không nhớ có bị H lấy trộm số tiền 3.000.000 đồng hay không.

Bà TTH2 khai: Khoảng tháng giêng năm 2019, khi đi hành hương tại nhà thờ tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H2 tình cờ gặp Trần Thị H (người cùng quê) và được H gửi số tiền 47.000.000 đồng nhờ mang về quê gửi lại cho bà TTĐ1 (mẹ ruột H).

Bà TTĐ1 khai: Vào ngày mừng 5 tết 2019, H có gửi bưu điện về cho bà Đ1 số tiền 5.000.000 đồng nhân ngày mừng thọ, cũng trong tháng giêng năm 2019, khi đang ở nhà thì TTH2 đến đưa số tiền 47.000.000 đồng nói của H nhờ gửi mang về. Khoảng 01 tuần sau, H tiếp tục gửi bưu điện về số tiền 30.000.000 đồng. Do bị bệnh nên bà Đ1 đã sử dụng hết 2.000.000 đồng trong số tiền 5.000.000 đồng mà H gửi về nhân ngày mừng thọ. Vào chiều ngày 06/3/2019, ĐVB (con rể bà Đ1) điện thoại kêu chuyển gấp số tiền mà H đã gửi về. Sáng ngày 07/3/2019, bà Đ1 đến bưu điện chuyển trả lại số tiền 50.000.000 đồng vào số tài khoản do B cung cấp (do bưu điện chỉ chuyển khoản tối đa được 50.000.000 đồng) và chuyển 30.000.000 đồng trả lại cho H.

Ông ĐVB khai: Vào khoảng 14 giờ 00 ngày 06/3/2019, khi đang chạy xe ôm chở hàng tại chợ Tân Bình thì được báo tin vợ là Trần Thị H có hành vi lấy trộm tiền của nhà ông Đ nơi H đang giúp việc để gửi về quê cho mẹ ruột, ông B đến nhà ông Đ hỏi sự việc thì được ông Đ cho biết H đã lấy trộm số tiền 3.600USD tương đương 83.000.000 đồng và cho số tài khoản của con gái để ông B chuyển khoản trả lại số tiền này. Khi về nhà, ông B gọi điện thoại cho bà TTĐ1 (mẹ vợ ông B) thì được bà Đ1 cho biết H có gửi tiền về, ông B cho số tài khoản của con gái ông Đ kêu bà Đ1 chuyển khoản trả lại số tiền mà H đã gửi về. Khoảng 10 giờ ngày 07/3/2019, ông Đ gọi điện thoại kêu vợ chồng ông B đến Công an Phường 5, quận Tân Bình để nhận lại số tiền 50.000.000 đồng do bà Đ1 gửi, tại đây H lấy trong người ra thêm số tiền 33.000.000 đồng (tổng cộng 83.000.000 đồng) trả lại cho ông Đ.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 158/HĐ ĐG TS – TTHS ngày 26/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Tân Bình (BL 156) thì mệnh giá 01 (một) USD có giá mua là 23.140 đồng, như vậy 3.600USD tương đương là 83.304.000 đồng. Tổng tài sản H chiếm đoạt 83.304.000 đồng + 1.000.000 đồng = 84.304.000 đồng (tám mươi bốn triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 1962/KLGĐ ngày 21/5/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh đối với Trần Thị H (BL 164-165) ghi nhận:

1. Về y học: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 06/3/2019 cho đến hiện tại đối tượng tâm thần bình thường/ rối loạn giấc ngủ không thực tổn (F51-ICD10)

2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 06/3/2019 cho đến hiện tại đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2021/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình làm rõ hành vi khai báo gian dối của ĐVB và ĐTP, tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/12/2021, bị cáo Trần Thị H có đơn kháng cáo kêu oan vì cho rằng việc xét xử chỉ căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo; Luật sư có đơn xin hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, do bị cáo Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo trình bày bản thân không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản án sơ thẩm xử oan cho bị cáo. Sở dĩ trước đây bị cáo nhận tội là vì bị cáo hoảng sợ, không hiểu biết pháp luật, sợ bị bắt, cứ nghĩ rằng nhận tội thì sẽ được thả về với chồng con. Bị cáo không nghĩ tội danh, điều khoản bị truy tố, xét xử nặng như vậy mà chỉ nghĩ bị hại Nguyễn Đ bảo bị cáo trả bao nhiêu tiền thì bị cáo trả bấy nhiêu tiền, lúc đó ông Đ bải nại thì bị cáo không bị gì hết. Ngày xét xử, bị cáo nộp Đơn xin hoãn phiên tòa của Luật sư cho Tòa án nhưng không được chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H là luật sư Trương Vinh Quang cho biết vào ngày xét xử sơ thẩm, luật sư không tham gia được do nghiên cứu hồ sơ vụ án không kịp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Căn cứ chứng cứ hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa, lời khai ban đầu bị cáo Trần Thị H thừa nhận có trộm cắp tài sản của bị hại, phù hợp lời khai của bị hại, Cơ quan điều tra đã cho bị cáo H thực nghiệm điều tra, kết quả điều tra cho thấy bị cáo đã mô tả chính xác nơi trộm cắp mà chỉ có người đã tiếp xúc mới làm được, bị cáo thực nghiệm lấy số tiền phạm tội, phù hợp lời khai của bị cáo, bị hại. Từ đó, đủ cơ sở xác định trong thời gian giúp việc, Bị cáo lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu nên đã trộm cắp số tiền 3.600 USD và 1.000.000 đồng. Về số tiền bị cáo gửi về cho mẹ là TTĐ1, bị cáo khai là nhận cọc từ việc bán căn nhà trên đường E, tuy nhiên, khi Cơ quan điều tra thu thập di chúc, hợp đồng đặt cọc thì ông ĐVB, ông ĐTP và bị cáo đều không cung cấp được. Như vậy, ngoài lời khai trên không còn lời khai nào khác chứng minh đây là tiền bán nhà, ông P và ông B có mối quan hệ mật thiết với bị cáo nên các lời khai này không được cho là chứng cứ khách quan. Ngoài ra, khi bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường, bị cáo bồi thường và không phản đối, bị cáo đã trả 83.000.000 đồng và 1.000.000 đồng trước đó (gồm 700.000 đồng trả lại và 300.000 đồng cần trừ

ngày làm việc), tương ứng với số tiền 3600 USD và 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo không yêu cầu bị hại trả lại số tiền và không yêu cầu nhận lại 02 chiếc nhẫn vàng. Quá trình xét xử sơ thẩm, ban đầu bị cáo khai lời khai tại cơ quan công an là tự nguyện khai, không bị ép cung nhục hình nhưng sau đó, bị cáo khai bị dùng nhục hình tại công an phường nhưng không chỉ ra được ai là người dùng nhục hình, không có chứng cứ nào khác chứng minh, cho thấy lời khai của bị cáo là bất nhất. Từ đó đã đủ căn cứ chứng minh bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 3600 USD và 1.000.000 đồng. Bị hại là ông Đ, bà H1 do sức khỏe yếu nên cam đoan lời khai là sự thật và từ chối đối chất với bị cáo.

Sau khi phân tích vụ án, Kiểm sát viên xét kháng cáo của bị cáo về tố tụng, đơn nhờ Luật sư của Bị cáo gần ngày xét xử sơ thẩm, luật sư làm đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bất khả kháng và trở ngại khách quan, chủ tọa phiên tòa sơ thẩm không hỏi bị cáo có đồng ý xét xử vắng mặt luật sư là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng tại điều Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Do xét về tố tụng thể hiện như trên nên không xét về nội dung.

Người bào chữa phát biểu quan điểm bào chữa: Luật sư cho rằng bản án sơ thẩm có hai sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật. Thứ nhất là về nội dung, bản án sơ thẩm “trọng cung hơn trọng chứng”, chỉ căn cứ vào lời khai nhận tội để tuyên bố bị cáo phạm tội mà không xem xét đến những chứng cứ khác. Bên cạnh đó, bản án sơ thẩm không xác minh nguồn tiền 3.600 USD có thật hay không. Tiệm vàng KT không cũng không có chức năng thu đổi ngoại tệ. Thứ hai là về tố tụng, luật sư đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm về tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 03/12/2021, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo Trần Thị H. Ngày 16/12/2021, bị cáo có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ gồm lời khai ban đầu và các biên bản hỏi cung của bị cáo phù hợp với trình báo của bị hại, văn bản lập giữa ông Nguyễn Đ và bị cáo ngày 06/3/2019, lời khai của bà TTH2, của bà TTĐ1 (mẹ bị cáo), các biên bản xác định địa điểm, biên bản xác minh tại Bưu điện Chí Hòa, biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ hiện trường vụ án, bản ảnh hiện trường, việc vợ chồng bị cáo tự nguyện trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại... đã đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian giúp việc nhà cho vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Trịnh Thị Thanh H1 tại địa chỉ 766/16/15/1E Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Thị H đã lợi dụng những lúc trong nhà không có người xung quanh đã nhiều lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 3.600USD (loại mệnh giá 100USD; theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì số tiền 3.600USD có giá trị quy đổi ra

tiền Việt Nam đồng là 83.304.000 đồng) và số tiền 1.000.000 đồng của ông Đ, bà H1. Như vậy, tổng số tiền bị chiếm đoạt là 84.304.000 đồng.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo Trần Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

- Đối với việc phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt luật sư:

Ông Trương Vinh Quang là người bào chữa cho bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm cấp Thông báo người bào chữa tham gia tố tụng, được giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, tài liệu trong hồ sơ vụ án nhiều cần có thời gian để nghiên cứu. Tuy nhiên, sự vắng mặt của người bào chữa như đã nêu là không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

Xét thấy vụ án không thuộc trường hợp chỉ định người bào chữa theo khoản 1 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, theo Kết luận giám định pháp y tâm thần của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh thì trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, bị cáo đủ năng lực thực hiện quyền tự bào chữa của bản thân tại phiên tòa sơ thẩm; quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo vẫn được đảm bảo. Căn cứ khoản 1 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa là không vi phạm tố tụng.

- Đối với việc bị cáo kêu oan cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo để xét xử:

Xét thấy quá trình điều tra, điều tra bổ sung thể hiện: Tuy rằng vào giai đoạn sau của quá trình điều tra, bị cáo Trần Thị H không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng lời khai ban đầu của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác thu thập được như nhận định bên trên, bên cạnh đó, bị cáo cũng không cung cấp được văn bản nhận cọc, thông tin người đặt cọc mua căn nhà A đường E, Phường G, Quận I vào thời điểm trước khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội... cho thấy việc bị cáo H trình bày số tiền 83.000.000 đồng có nguồn gốc từ số tiền đặt cọc mua căn nhà A đường E, bản thân không có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại và không đồng ý với bản án hình sự sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

Bị cáo Trần Thị H chưa có tiền án, tiền sự nhưng xét thấy bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bị hại, trong đó mỗi lần cách nhau một khoảng thời gian nhất định, đều thực hiện hành vi vi phạm lên cùng một đối tượng, xâm phạm trực tiếp đến cùng một khách thể nên mức hình phạt 04 (bốn) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là có cơ sở, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Trần Thị H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Những lập luận trên đây cũng là căn cứ để không chấp nhận đề nghị của

đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2021/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Trần Thị H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Tân Bình; (1)
- P.PV06 - CATP; (1)
- Bị cáo tại ngoại; (1)
- Bị hại; (2)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án quận Tân Bình; (1)
- TAND quận Tân Bình; (2)
- Công an quận Tân Bình; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (26) (8).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân